TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/HS-ST
Ngày: 30/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân*:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Ông Chu Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2023/TLST-HS ngày 4 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị T**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1969, tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ 11, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công chức thuộc UBND phường Quan T, thành phố T; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Phó Chủ tịch UBND phường, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 5/5/2023; Con ông: Trần Văn Quang, sinh năm: 1927 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Nghiêm, sinh năm 1937; Gia đình có 07 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 5; Chồng: Vũ Xuân Huệ, sinh năm 1968; Có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000.

- Tiền án, tiền sự: Không.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: - Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 2, phường Quan T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Vũ Thị Hồng, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 8, phường Quan T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Bạch Thị Vân, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 8, phường Quan T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Lã Thị Hồng, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 8, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Ông Dương Hồ Hải, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 2, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Lưu Thị Trong, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 9, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Trịnh Thị Duyên, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 11, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Ông Trần Bá Mạnh, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 5, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Cao Thị Mai Phương, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 7, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Doãn Thị Thanh Xuân, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 2, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Ngô Thị Thuý, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 11, phường Quan T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

(ông Dũng, bà Hồng, ông Hải, bà Trong, bà Duyên, ông Mạnh, bà Phương, bà Xuân, bà Thuý có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân phường Quan T, thành phố T

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thái Hoà, sinh năm 1969 (có mặt)

- Ông Trần Thái Hoà, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, phường Quan T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Nguyễn Thị Hoa Dung, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, phường Quang Vinh, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Ông Vũ Xuân Phương, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Bà Nguyễn Thị Vũ Thoan, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, phường Quan T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng: Chị Đào Thị Như Trang, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, P. Quan Triều, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2000, Ủy ban nhân dân (UBND) phường Quan T, thành phố T có thực hiện quản lý, ký hợp đồng cho thuê 11 địa điểm kinh doanh (kiot) tại ngã 6 Quan Triều thuộc tổ 07, phường Quan T, thành phố T với giá tiền cho thuê thay đổi hàng năm theo bảng giá của UBND thành phố T quy định. Người trực tiếp phụ trách việc quản lý, cho thuê, thu tiền của 11 kiot là ông Trần Thái Hòa – Chủ tịch UBND phường Quan T (ký hợp đồng với các hộ dân, phân công kế toán, thủ quỹ trách nhiệm thu tiền, xuất phiếu thu, nộp về ngân sách nhà nước hàng tháng). Theo đó, hàng tháng, cán bộ Kế toán của UBND phường sẽ có trách nhiệm thu tiền và xuất phiếu thu cho 11 chủ hộ kiot, sau khi cán bộ Kế toán thu tiền đầy đủ thì chuyển về cho cán bộ Thủ quỹ của UBND phường để thực hiện nộp về ngân sách nhà nước theo quy định. Từ tháng 01/2020, tổng số tiền thu nộp về ngân sách nhà nước đối với việc cho thuê 11 hộ kiot là 21.410.000 đồng (Hai mươi mốt triệu bốn trăm mười nghìn đồng)/01 tháng.

Cụ thể những cá nhân đã ký hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh của UBND phường Quan T tại Ngã 6 Quan Triều, tổ 07, phường Quan T, thành phố T như sau:

- Kiot số 01, diện tích kiot 18m2 cho ông Nguyễn Văn D (sinh năm: 1980, địa chỉ: tổ 02, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 2.010.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 02, diện tích kiot 15m2 cho bà Vũ Thị Hồng (sinh năm: 1967, địa chỉ: tổ 08, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.800.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 03, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 3m2 cho bà Bạch Thị Vân (sinh năm: 1984, địa chỉ: tổ 08, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.860.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 04, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 4m2 cho bà Lã Thị Hồng (sinh năm: 1975, địa chỉ: tổ 08, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.880.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 05, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho ông Dương Hồ Hải (sinh năm: 1965, địa chỉ: tổ 02, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 06, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho bà Lưu Thị Trong (sinh năm: 1967, địa chỉ: tổ 09, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 07, diện tích 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho bà Trịnh Thị Duyên (sinh năm: 1966, địa chỉ: tổ 11, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 08, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho ông Trần Bá Mạnh (sinh năm: 1968, địa chỉ: tổ 05, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 09, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho bà Cao Thị Phương Mai (sinh năm: 1974, địa chỉ: tổ 07, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 10, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho bà Doãn Thị Thanh Xuân (sinh năm: 1972, địa chỉ: tổ 02, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

- Kiot số 11, diện tích kiot 15m2, diện tích đất lưu không đằng sau kiot 9m2 cho bà Ngô Thị Thúy (sinh năm: 1968, địa chỉ: tổ 11, phường Quan T, thành phố T) thuê, số tiền cho thuê theo hợp đồng là 1.980.000 đồng/01 tháng.

Ngày 28/8/2018, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố T có Thông báo số 14/TB-HĐND về Kết quả giám sát công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công tại UBND các phường, đã chỉ rõ trên địa bàn phường Quan T còn tình trạng cho thuê không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền. UBND phường Quan T có xây dựng văn bản báo cáo UBND thành phố T để xin ý kiến về việc tiếp tục cho thuê hay dừng, tuy nhiên UBND thành phố T sau khi tiếp nhận trao đổi để nghiên cứu sẽ có chỉ đạo sau.

Tháng 08/2021, ông Hòa có trực tiếp báo cáo Lãnh đạo UBND thành phố T xin ý kiến chỉ đạo đối với việc tiếp tục cho thuê 11 kiot trên để đảm bảo chỉ tiêu thu khác hàng năm hoặc dừng cho thuê để xin thực hiện làm dự án xây dựng công trình công cộng, Lãnh đạo UBND thành phố có chỉ đạo dừng việc cho thuê, thu hồi, tháo dỡ giải phóng mặt bằng và đồng ý đề xuất lên phương án để làm công trình công cộng.

Ngày 01/09/2021, UBND phường tiến hành làm việc với 11 hộ thuê kiot với nội dung lập biên bản chấm dứt việc cho thuê, thanh lý hợp đồng, dừng thu tiền và yêu cầu trả lại mặt bằng kiot.

Sau khi thanh lý hợp đồng, 11 chủ hộ kiot có gặp để bàn bạc và thống nhất sẽ nộp tiền thuê kiot tháng 09/2021 cho bà Bạch Thị Vân. Sau đó bà Vân và bà Vũ Thị Hồng lên UBND phường để gặp Trần Thị T - Phó chủ tịch UBND phường Quan T đề nghị cho 11 hộ kiot tiếp tục thuê để thực hiện kinh doanh và nộp số tiền thuê đầy đủ như hợp đồng trước đó. Trần Thị T tuy không được phân công phụ trách việc quản lý, cho thuê và thu tiền của 11 kiot nhưng khi được bà Vân và bà Hồng đề nghị trao đổi nội dung như trên đã đồng ý và thu số tiền 21.410.000 đồng.

Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022, 11 hộ dân thuê kiot vẫn tập hợp nộp tiền thuê kiot cho bà Bạch Thị Vân vào cuối tháng với số tiền cố định là 21.410.000 đồng/01 tháng, sau đó 04 lần bà Vân đến phòng làm việc đưa cho Trần Thị T.

Từ tháng 02/2022 đến tháng 05/2022, bà Vân có công việc cá nhân không thường xuyên có mặt tại kiot nên đã đề nghị các hộ thuê kiot tập hợp nộp tiền thuê kiot cho bà Lã Thị Hồng, sau đó bà Hồng sẽ có trách nhiệm nộp lại số tiền thu được cho Trần Thị T. Sau mỗi tháng, 02 lần bà Lã Thị Hồng thu được đủ số tiền của 11 hộ kiot rồi đến phòng làm việc đưa cho Trần Thị T và 02 lần Tự trực tiếp xuống kiot của bà Lã Thị Hồng lấy tiền.

Tổng số tiền bà Bạch Thị Vân và bà Lã Thị Hồng đã thu được của 11 kiot từ tháng 09/2021 đến tháng 05/2022 rồi nộp cho Trần Thị T là 192.690.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Quá trình thu tiền Tự không xuất hóa đơn, phiếu thu tiền đối với nội dung cho thuê kiot. Số tiền Tự thu về không thực hiện nộp về ngân sách nhà nước mà chỉ báo cáo ông Trần Thái Hòa với nội dung có 11 hộ kiot ủng hộ UBND phường số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Ông Hòa có chỉ đạo Tự chuyển số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Hoa Dung – Thủ quỹ UBND phường Quan T để tập hợp quản lý, chi tiêu. Số tiền còn lại là 132.690.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) cá nhân Trần Thị T khai nhận đã chiếm đoạt và cất giữ tại tủ cá nhân.

Tháng 06/2022, UBND phường Quan T mời 11 hộ dân thuê kiot để họp triển khai nội dung yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh và trả lại mặt bằng cho UBND phường. Qua làm việc, xác định trong thời gian từ tháng 09/2021 đến tháng 05/2022, 11 hộ dân vẫn nộp tiền thuê kiot đầy đủ cho Trần Thị T. Sau khi nắm được nội dung sự việc trên ông Trần Thái Hòa đã chỉ đạo Tự trả lại số tiền 192.690.000 đồng đã thu của 11 hộ thuê kiot trước đó. Tháng 06/2022, Trần Thị T đã gặp bà Bạch Thị Vân để đưa số tiền 192.690.000 đồng và nhờ trả lại đầy đủ cho 11 hộ dân thuê kiot trước đó. Sau đó, bà Bạch Thị Vân đã trả lại đầy đủ số tiền cho 11 hộ dân thuê kiot.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của 11 hộ dân thuê kiot; lời khai của người làm chứng; các hồ sơ thuê địa điểm kinh doanh dịch vụ giữa UBND phường Quan T và các cá nhân thuê; các quyết định phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND phường Quan T và thông báo phân công nhiệm vụ đối với lãnh đạo UBND phường và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 136/VKSTPTN-CT ngày 26/4/2023, Viện kiểm sát

nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 355 của BLHS, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tự từ 36 tháng đến 40 tháng tù. Không Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng ăn năn hối hận vì hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo; bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng:

Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của 11 hộ dân thuê kiot; lời khai của người làm chứng; các hồ sơ thuê địa điểm kinh doanh dịch vụ giữa UBND phường Quan T và các cá nhân thuê; các quyết định phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND phường Quan T và thông báo phân công nhiệm vụ đối với lãnh

đạo UBND phường và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Trần Thị T - Phó Chủ tịch UBND phường Quan T biết rõ việc sau ngày 01/9/2021, UBND phường Quán Triều đã lập biên bản thanh lý hợp đồng, dừng thu tiền và chấm dứt việc cho thuê đối với 11 Ki ốt. Tự vẫn cố ý cho 11 hộ thuê kiot trong 9 tháng (từ t9/2021 đến 5/2022) và thu tổng số tiền là 192.690.000đ, trong đó Tự chuyển 60.000.000đ cho bộ phận quản lý quỹ của UBND phường và chiếm đoạt số tiền còn lại là 132.690.000đ. Đến tháng 5/2022, sau khi họp ý kiến với 11 hộ thuê ki ốt về nội dung yêu cầu thu hồi, trả lại mặt bằng thì ông Hoà – Chủ tịch UBND phường biết sự việc trên và chỉ đạo Tự trả lại toàn bộ số tiền đã thu cho 11 hộ thuê ki ốt.

Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, đã sử dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi vượt quá chức trách của bản thân, tiến hành làm việc với đại diện các hộ thuê ki ốt về việc đồng ý cho thuê, để các hộ dân tin tưởng tiếp tục được thuê và nộp tiền cho bị cáo. Động cơ, mục đích phạm tội của Tự là động cơ vụ lợi với lỗi cố ý.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

"1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.0000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng."

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, thấy hậu quả gây thiệt hại là tiền cho Nhà nước và các hộ dân thuê ki ốt nhưng vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt.

[4]. Xét nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Tự là *"Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả"*, "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*". Bị cáo Từ trong quá trình công tác nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và nhiều Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua cấp phường, cấp thành phố có thành tích xuất sắc trong công tác. Bị cáo được các bị hại Dũng, Vũ Thị Hồng, Xuân, Trong, Lã Thị Hồng, Mạnh, Thuý, Duyên, Vân, Hải làm đơn đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Nghiêm đã có nhiều thành tích trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì vào năm 1985; bố bị cáo là ông Trần Văn Quang được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng ba vì đã có nhiều thành tích trong cuộc kháng chiến.

Vì vậy, bị cáo Từ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Tự không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo Tự có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị bệnh tật tỷ lệ tổn thương cơ thể là 66%. Những yếu tố này HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt: Sau khi xét hành vi, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy rằng cần có có mức án nghiêm khắc để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cũng như đảm bảo tính chất ngăn ngừa tội phạm nói chung, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 BLHS, bản thân bị bệnh tật tỷ lệ tổn thương cơ thể là 66%, điều kiện gia đình khó khăn nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo Tự.

Xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo Tự từ 36 tháng đến 40 tháng tù đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị là phù hợp.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Tự không có tài sản riêng gì có giá trị, bản thân bị bệnh tật, hiện nay đã nghỉ hưu, không có thu nhập khác nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tiền không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Phần dân sự đã giải quyết xong.

[9]. Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10]. Việc xử lý đối tượng liên quan đến vụ án: Đối với nội dung Trần Thị T báo cáo ông Trần Thái Hoà về việc có 11 hộ kiot ủng hộ UBND phường số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ông Hoà không kiểm tra, xác minh tính xác thực của nội dung sự việc mà chỉ đạo bị can Tự chuyển số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Hoa Dung thủ quỹ UBND phường để quản lý, sử dụng theo quy định. Sau khi tiếp nhận tiền từ bị can Tự, bà Dung đã không tham mưu cho Lãnh đạo UBND phường nhập số tiền trên theo quy định qua Kho bạc Nhà nước mà quản lý tiền tại cơ quan. Hành vi của ông Hoà và bà Dung chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng". Tuy nhiên, trong quá trình chỉ đạo, xác minh, tiếp nhận và quản lý số tiền do Tự báo cáo nêu trên, ông Hoà và bà Dung thực hiện không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra văn bản gửi đến Chủ tịch UBND thành phố T xem xét, chỉ đạo xử lý đối với các sai phạm của ông Hoà, bà Dung theo quy định.

Đối với nội dung Trần Thị T khai nhận sau khi thu được tiền cho thuê 11 kiot vào tháng 12/2021, bị cáo có báo cáo ông Hoà và được ông Hoà chỉ đạo chuyển số tiền trên cho 04 cá nhân là ông Vũ Xuân Phương - Bí thư Đảng uỷ phường, bà Nguyễn Thị Vũ Thoan - Phó Bí thư Đảng uỷ, ông Hoà mỗi cá nhân 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và bản thân bị cáo. Trên cơ sở tài liệu điều tra thu thập được, xét thấy không có căn cứ để xác định ông Phương, bà Thoan và ông Hoà có được nhận số tiền trên hay không. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ áp dụng pháp luật: Căn cứ Điểm c, d Khoản 2 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự**.**

2. Về tội danh và hình phạt:

2.1. Về tội danh*:* Tuyên bố Bị cáo Trần Thị T phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Tự phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xét xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo Tự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Đỗ Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn